TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Dấu ấn thế kỷ XVIII: Kinh Phật theo đường biển đến Đàng Ngoài Việt Nam

ISSN: 2734-9195 08:45 31/05/2026

Các điển tịch trọng yếu như “Tỳ Ni Nhật Dụng” (毗尼日用) và Tứ Phần Luật (四分律) đã được lưu truyền và phát huy giá trị, trực tiếp thúc đẩy sự hình thành và kiện toàn các quy phạm giới luật của Phật giáo Việt Nam.

Vào thời kỳ Bắc thuộc, tuyến giao thương huyết mạch giữa Trung Nguyên và Giao Chỉ chủ yếu được thực hiện bằng đường biển. Với vị trí thủ phủ của quận Giao Chỉ, Luy Lâu (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam) đã trở thành một trung tâm Phật giáo lớn. Theo các ghi chép và diễn giải đương thời, **Phật giáo** thời kỳ này hình thành nên ba trung tâm lớn gồm: Lạc Dương, Bành Thành và Luy Lâu.

Dựa trên tài liệu lịch sử “Cao tăng truyện” (高僧傳), Đại đức Cao tăng Khương Tăng Hội (康僧會大德高僧) có tổ tiên là người nước Khương Cư (Sogdiana, khu vực Trung Á ngày nay). Sau nhiều đời định cư tại Ấn Độ, thân phụ ngài chuyển sang làm nghề buôn bán và dời gia đình đến định cư tại Giao Chỉ.

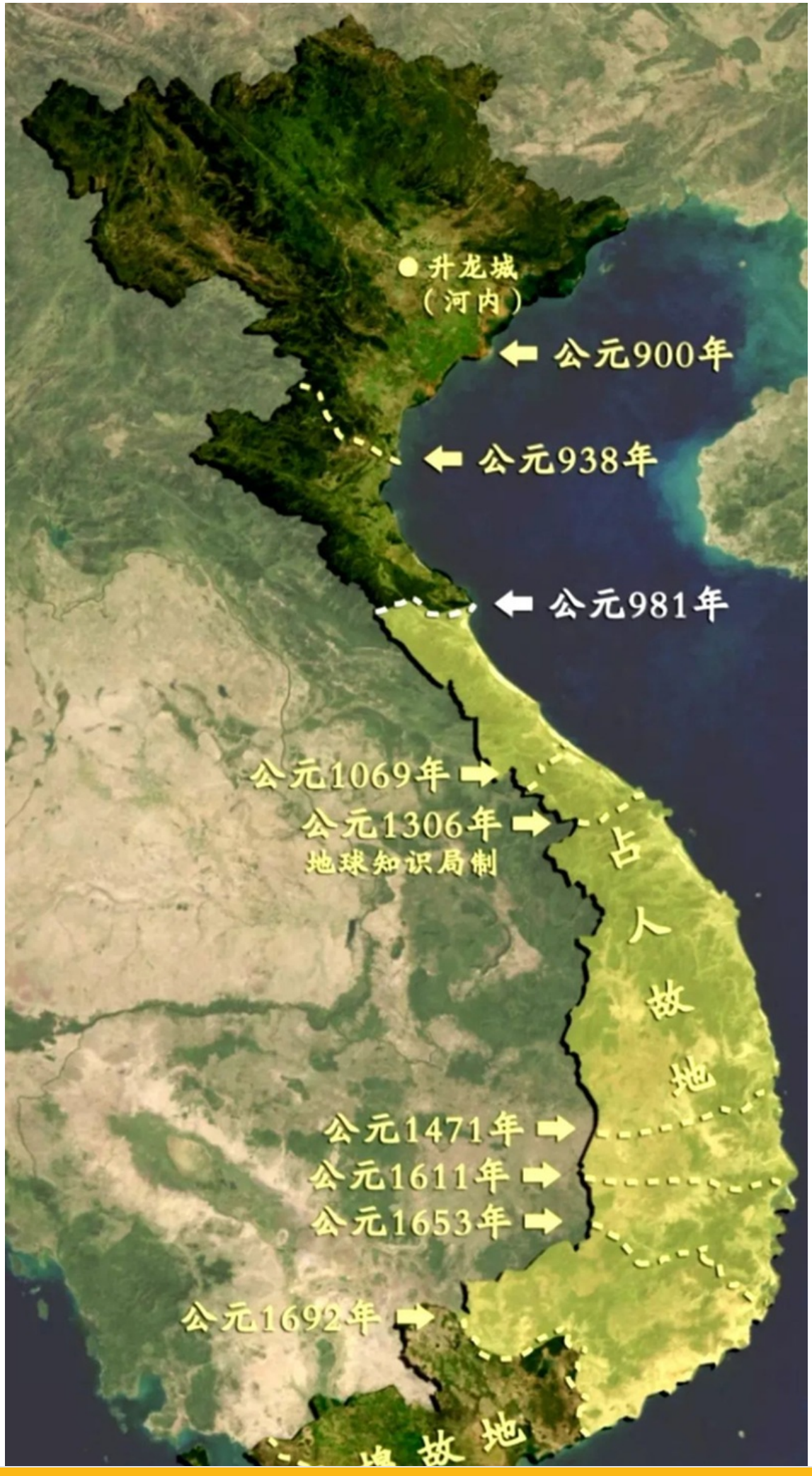
Sinh ra và lớn lên tại vùng đất Giao Chỉ (vùng lãnh thổ Bắc Bộ và một phần Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay), **Khương Tăng Hội** đã sớm trở thành một bậc cao tăng uyên bác. Không chỉ tinh thông Tam tạng kinh điển của Phật giáo, ngài còn am tường Nho giáo, Lão giáo. Với vốn kiến thức sâu rộng và năng lực phiên dịch, ngài được tôn vinh là sơ tổ của Thiền tông Việt Nam, đồng thời có công lao to lớn trong việc truyền bá Phật giáo vào Việt Nam và phát triển tư tưởng Phật học sang Trung Hoa thời Tam Quốc.

Tại **trung tâm Luy Lâu** (ngày nay thuộc Thuận Thành, Bắc Ninh), Ngài cùng Chi Cương Lương (支彊梁接) đã dịch bộ “Kinh Pháp Hoa Tam Muội” (法華三昧經). Về sau, các bậc tôn đức như Buddhabhadra (佛馱跋陀羅, 359-429), Guṇavarman (求那跋摩), 367-431) và Mahājīvaka (摩羅耆域) đã cùng nhau xuống thuyền vượt biển đến Giao Châu (miền Bắc Việt Nam ngày nay). Đến thời kỳ sau Triều Đại nhà Đường Trung Hoa, tiếp tục có các vị tăng sĩ như Thiền sư Minh Viễn (明遠老禪師), vị cao đến từ Ấn Độ cổ đại (Thiên Trúc), Samghavarman (僧伽跋摩), Pháp sư Đàm Nhuận (曇潤法師) và Trí Hoằng (智弘智弘) truyền bá đạo Phật.

Trong số các vị cao tăng từ Giao Châu hành trình về phương Tây bằng đường biển, có bốn vị tiêu biểu là Pháp Vận Kỳ (運期法師), Mokṣadeva (木叉提婆), Pháp sư Khuy Xung (窺冲法師) và Pháp sư Tuệ Diễm (慧艷法師). Số lượng này chỉ đứng sau sáu vị cao tăng xuất thân từ Kinh Châu (khu vực tỉnh Hồ Bắc ngày nay) và năm vị sư đến từ Ích Châu (khu vực tỉnh Tứ Xuyên và thành phố Trùng Khánh ngày nay).

Những dấu ấn và sự tích của **các bậc cao tăng** cho thấy: trong khoảng thời gian từ thời nhà Hán đến nhà Đường, tuyến đường truyền bá Phật giáo trên biển ở khu vực Biển Đông lấy Giao Châu và Luy Lâu làm trung tâm giao lưu quan trọng.

Vị trí chiến lược của Giao Châu như một đầu mối giao thương hàng hải có mối liên hệ mật thiết với trình độ kỹ thuật hàng hải đương thời. Do hạn chế về khả năng chống chịu gió bão của tàu thuyền, các chuyến hải trình thường được thực hiện men theo đường bờ biển, khiến Giao Châu trở thành trạm dừng chân bắt buộc đối với các tàu khởi hành từ Quảng Châu tiến về phương nam. Nhận định này được phản ánh trong "Tùy Thư - Địa lý chí" (隋書 - 地理志), khi bộ chính sử thời Tùy (581–619) ghi chép rằng: *"Nam Hải và Giao Trị (Giao Chỉ) đều là trọng trấn, cả hai đều nằm sát biển"* (thường xuất hiện khi nhắc đến các đơn vị hành chính và vùng lãnh thổ thời kỳ phong kiến phương Bắc đô hộ **Việt Nam**).


升龙城
（河内）
公元900年
公元938年
公元981年
公元1069年
公元1306年
地球知识局制
占人故地
公元1471年
公元1611年
公元1653年
公元1692年

Dòng thời gian về sự tiến quân về phía nam của Việt Nam

Về sau, dù các tuyến hàng hải qua **Biển Đông** và Ấn Độ Dương vươn xa đến tận vùng Vịnh Ba Tư từ thời Đường, Giao Châu vẫn duy trì vai trò là một thương cảng trọng yếu trên *"Tuyến đường biển từ Quảng Châu đi đến các nước ngoài"* (廣州通海夷道). Nhờ vị trí huyết mạch đó, thương mại đường biển và các hoạt động ngoại giao tại Giao Châu tiếp tục phát triển phồn thịnh trong các triều đại nhà Tống và nhà Nguyên. Điều này cũng lý giải vì sao cả hai triều đại này đều lựa chọn tuyến đường biển làm trục hành tiến chiến lược khi tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược An Nam quốc (安南國).

Quá trình **truyền bá Phật giáo** vào Bắc Hà qua các tuyến đường biển Giao Quảng hay Giao Mân đạt được nhiều bước ngoặt lớn sau thế kỷ XVI. Điển hình là sự kiện Thiền sư Chuyết Chuyết Viên Văn (拙拙圓炆祖師, 1590-1644) sang Đại Việt, mang theo những lời dạy cốt tủy, góp phần chấn hưng và phát triển dòng thiền Lâm Tế tại Đàng Ngoài, vùng lãnh thổ Đại Việt nằm từ sông Gianh (Quảng Bình) trở ra Bắc trong thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh.

Vào thế kỷ XVII, Thiền sư Chuyết Chuyết (pháp hiệu Viên Văn), một vị cao tăng xuất chúng người Trung Hoa, đã đặt nền móng đầu tiên cho việc trực tiếp truyền bá và thiết lập pháp mạch của Thiền phái Lâm Tế tại Đàng Ngoài (Đại Việt). Kế thừa pháp mạch đời thứ 34 của dòng Lâm Tế Trung Hoa và truyền Chính pháp Nhãn tạng nối pháp mạch dòng Thiền Lâm Tế đời thứ 35 là Thiền sư Minh Hành Tại Tại (明行在在禪師, 1596-1659), Ngài đã khắc dấu ấn sâu đậm trong lịch sử Phật giáo Việt Nam khi từng trụ trì và hoằng hóa tại những ngôi cổ tự nổi tiếng ở miền Bắc, tiêu biểu là Chùa Bút Tháp và Chùa Phật Tích tại Bắc Ninh, Đại Việt quốc.

Vấn đề này bắt nguồn từ chính sách cấm vận hàng hải (hải cấm - 海禁) được triều Minh thực thi và bắt đầu có sự điều chỉnh vào năm Long Khánh thứ nhất (năm Đinh Mão-1567). Việc triều đình bãi bỏ một phần lệnh hải cấm tại cảng Nguyệt Cảng, cho phép tư nhân giao thương, đã tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự bùng nổ của mạng lưới thương mại biển khu vực Đông Á.

Năm thứ 35 niên hiệu Vạn Lịch (Đinh Mùi-1607), Thiền sư Chuyết Chuyết Viên Văn - vị tôn đức quê tại huyện Hải Trừng, phủ Chương Châu - đã bắt đầu hành trình du hóa. Từ Trung Hoa, ngài bôn ba qua nhiều miền đất, trong đó có Campuchia, Thuận Hóa và Đông Kinh (Hà Nội).

Khoảng năm Quý Dậu (1633), Thiền sư Chuyết Chuyết Viên Văn đã tổ chức Đại trai đàn siêu độ vong linh tại Thăng Long, đồng thời biên soạn bộ "Thuỷ Lục Chư Khoa" (水陸諸科) nhằm phổ biến tại các tự viện Phật giáo Đàng Ngoài. Do nguồn

kinh sách truyền bá Phật pháp bấy giờ còn khan hiếm, theo thỉnh cầu của chúa Trịnh Tráng (1577-1657) - vị chúa thứ hai thời Lê Trung Hưng - Thiền sư Chuyết Chuyết đã phái đệ tử là Thiền sư Minh Hành Tại Tại (1596-1659) trở về Trung Hoa để thỉnh thêm kinh điển Phật giáo.

Theo ghi chép trong bộ "Phủ biên tạp lục" (撫邊雜錄) của danh nhân Lê Quý Đôn, khoảng cách di chuyển giữa Quảng Châu (Trung Hoa) và vùng Sơn Nam (Đại Việt) thời kỳ này chỉ mất khoảng 4 ngày 1 đêm. Dựa trên nguồn tư liệu này, có cơ sở để nhận định rằng Thiền sư Minh Hành Tại Tại có thể đã đến Trung Hoa để cầu thỉnh điển Phật giáo, với điểm đến là tỉnh Quảng Đông - trung tâm Phật giáo hưng thịnh và rất thuận tiện về giao thương đường biển.

Sự kiện này đã đánh dấu bước ngoặt lớn trong công cuộc hoằng dương phật pháp của Thiền sư Chuyết Chuyết Viên Văn. Giai đoạn 1635-1644, trên cương vị phương trượng trụ trì tại chùa Phật Tích (tỉnh Bắc Ninh), Ngài đã có công lao to lớn trong việc thiết lập trung tâm Phật học, xuất bản kinh sách và truyền bá giáo lý. Vị thế và uy tín của Ngài được triều đình đương thời vô cùng tôn kính. Đến giữa thế kỷ XX, thập niên 1950, các nhà nghiên cứu thuộc Viện Viễn Đông Bác cổ (tiếng Pháp: École française d'Extrême-Orient, viết tắt EFEO) tại Hà Nội đã phát hiện một khối lượng lớn bản khắc kinh Phật tại chùa Phật Tích, trong đó có nhiều di vật quan trọng gắn liền với di cảo của Thiền sư Chuyết Chuyết Viên Văn.

Thiền sư Chuyết Chuyết Viên Văn đã đặt nền móng tiên khởi cho việc trực tiếp truyền bá và thiết lập pháp mạch Thiền phái Lâm Tế tại Đàng Ngoài trong công cuộc phục hưng Phật giáo. Pháp mạch này tiếp tục được các thế hệ kế thừa phát huy mạnh mẽ, nổi bật là các bậc Tổ sư: Thiền sư Như Trừng Lân Giác (1696-1733), người nối pháp đời 37 tông Lâm Tế Trung Hoa; và Thiền sư Tính Tuyền Trạm Công (1674-1744), những vị đã kế đăng và củng cố vững chắc tầm ảnh hưởng của dòng Lâm Tế tại miền Bắc thời Lê Trung Hưng.

1. Năm Ất Tỵ (1905), niên hiệu Thành Thái thứ 17, Tổ đình Liên Phái (Hà Nội) đã tái bản bộ "Phật Tổ Thống Ký" (佛祖統紀); bản in này hiện được lưu giữ tại Tùng Lâm Quán Sứ (Hà Nội). Dựa trên hệ thống lời tựa và lời bạt ghi lại lịch sử xuất bản, tác phẩm nguyên bản do Thiền sư Chí Bàn (志磐禪師) - một cao tăng và là nhà sử học Phật giáo lỗi lạc thời Nam Tống (thế kỷ XIII) thuộc tông Thiên Thai - biên soạn với quy mô gồm 55 quyển.

Vào thời vua Lê Ý Tông thuộc triều Hậu Lê, niên hiệu Vĩnh Hựu (1735-1740), Thiền sư Trạm Công Tính Tuyền (1674-1744) - trụ trì chùa Sùng Phúc (nay là Thanh Xuân, một phường thuộc thành phố Hà Nội, Việt Nam.) - đã vân du sang cầu pháp tại chùa Khánh Vân (núi Đỉnh Hồ, tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa). Sáu

năm sau, Ngài đã thỉnh thành công kinh Phật về lưu giữ tại chùa Càn An, một chốn tổ Phật giáo nổi tiếng tại kinh đô Thăng Long xưa.

Vào đầu triều đại vua Tự Đức (năm Đinh Mùi-1847), Hòa thượng Phúc Điền An Thiền (1784–?), bậc cao tăng danh tiếng thuộc thiền phái Lâm Tế Đàng Ngoài, đã tổ chức san khắc và ấn tống nhiều bộ mộc bản kinh điển quan trọng như "Phóng sinh giới sát văn" (1852). Đặc biệt, tại chùa Càn An, ngài đã tiến hành biên tập bộ "Đại Nam Thiền uyển truyền đăng Tập lục" (大南禪宛傳燈集錄). Sau quá trình đối chiếu, chỉnh sửa và phê duyệt văn bản, ngài đã tuyển chọn những người có nét chữ đẹp để sao chép lại. Công trình này sau đó được hoàn thiện và in ấn vào năm Quý Sửu (1853) dưới thời vua Tự Đức.

Vào năm Thành Thái thứ 17 (Ất Tỵ-1905), Chùa Liên Phái (Hà Nội) đã tiến hành tái bản ấn phẩm này. Hiện tại, bản sách quý giá trên đang được lưu giữ và bảo tồn tại Tùng Lâm Quán Sứ (Hà Nội).

2. Bản in lại cuốn "Tịnh Độ Sám Nguyện" (淨土懺願) do chùa Đại Tâm (Hải Dương, Đại Việt quốc) tái bản vào đời vua Thành Thái (năm Đinh Dậu - 1897). Tại mặt sau trang bìa của sách có khắc dòng chữ ghi lại sự kiện: *"Vào thời vua Lê Ý Tông, niên hiệu Vĩnh Hựu thuộc triều đại Hậu Lê (giai đoạn Lê Trung Hưng), Tổ sư Trạm Công (湛公祖師) đã được cung thỉnh từ Bắc quốc sang và lưu trú tại chùa Càn An, kinh thành Thăng Long."*

Vào năm Ất Sửu, niên hiệu Tự Đức, Sư tổ Nguyên Biểu hiệu Nhất Thiết đã có được tập sách này và hoan hỷ cúng dường để tiến hành in ấn và phát hành rộng rãi. Đến năm Đinh Dậu, niên hiệu Thành Thái, đệ tử của tôi là Tỳ khưu Thanh Chấn đã phát tâm cúng dường. Từ sự kiện này, tôi xin phép được trình bày và ghi chép lại toàn bộ quá trình, nhằm truy nguyên ngọn nguồn vấn đề từ lúc bắt đầu cho đến khi đạt được kết quả cuối cùng.

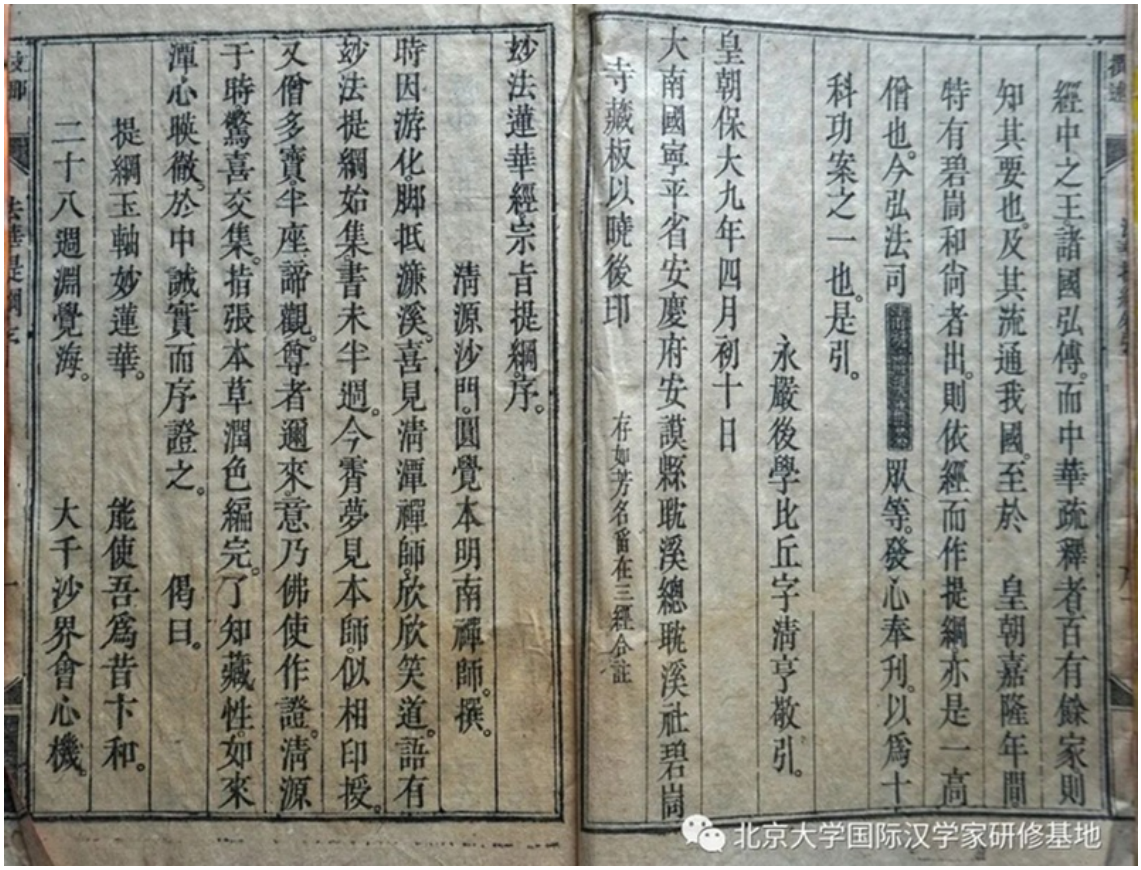
Qua khảo cứu, có thể khẳng định tập sách này vốn có nguồn gốc từ chùa Khánh Vân (thuộc Đỉnh Hồ Sơn, Quảng Đông, Trung Hoa), do Tổ sư Trạm Công thỉnh mang về nước.

Ấn bản mới của cuốn sách được Hòa thượng Phúc Điền biên soạn và xuất bản vào năm Ất Sửu, niên hiệu Tự Đức (1865). Sau đó, tác phẩm tiếp tục được Tỳ khưu Thanh Chấn cho tái bản vào năm Đinh Dậu, niên hiệu Thành Thái (1897), đánh dấu tổng cộng hai lần tái bản tại Việt Nam.

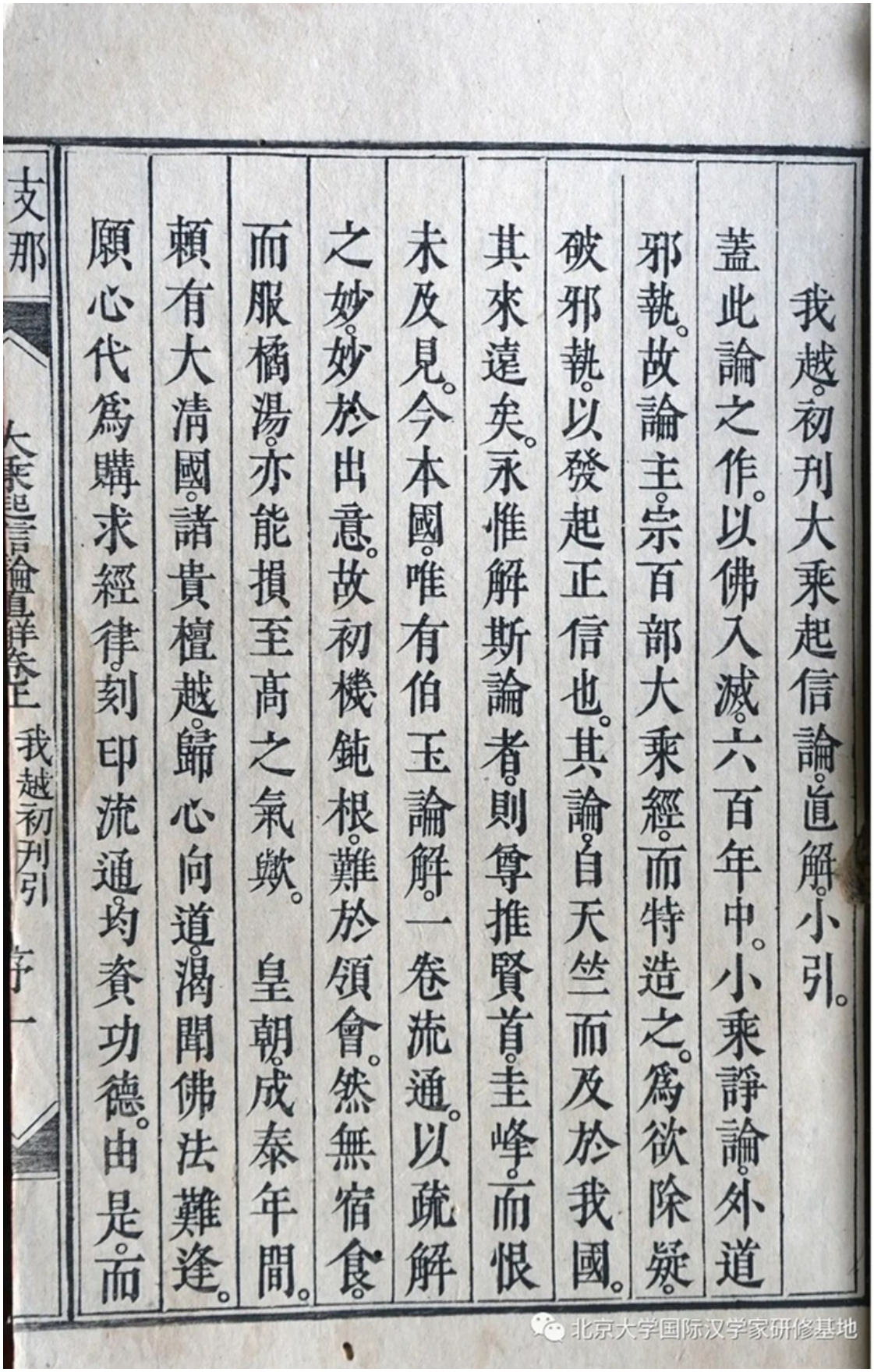
Năm Tự Đức thứ 31 (Mậu Dần-1878), tác phẩm "Nghi Thức Sám Nguyện Vãng Sinh Tịnh Độ" (往生淨土懺願儀) đã được tái bản. Dựa theo lời tựa ở cuối sách: vào thời vua Lê Thần Tông niên hiệu Vĩnh Hựu (năm 1735 -1739), Tổ sư Trạm Công

đã thỉnh kinh Phật từ Trung Hoa về nước ta. Bản khắc gỗ của ấn bản đầu tiên này được lưu giữ tại chùa Càn An, Kinh thành Thăng Long, nhưng không rõ do ai chủ trương xuất bản. Đồng thời, theo truyền thuyết, Tỳ khưu Thanh Cẩm từng cư ngụ tại Chùa Đan Hội (丹會寺) và có liên quan đến một ấn phẩm khác mang tên "Vãng Sinh Tập" (往生集).

Vào triều vua Tự Đức năm Ất Sửu (1885), Sư tổ Nguyên Biểu (thụy hiệu là Nhất Thiết, 1836-1906) - một bậc cao tăng lỗi lạc - đã thành lập Hội Liên Xã (thường gọi là Hội Liên xã Niệm Phật) và biên soạn/sưu tập bộ sách này. Ngài đã hoan hỷ trao tặng ấn tín, tận tình ấn tống và hướng dẫn cộng đồng tuân hành theo đúng tôn chỉ trong suốt hơn mười năm.



Sơ lược các nguyên lý chính của Kinh Pháp Hoa theo định dạng Gia Hưng.



Bìa sách "Giải thích trực tiếp về sự thức tỉnh niềm tin trong Phật giáo Đại thừa"

Từ cơ sở đó, có thể lý giải nguyên nhân cuốn sách này được tái bản tại Việt Nam. Tác phẩm đã được Tổ sư Trạm Công thỉnh về nước và lưu giữ tại chùa Càn

An, Kinh đô Thăng Long. Sau này, trụ trì - Tỳ khưu Thanh Cẩm (hoặc một vị tăng sĩ khác) - đã cho xuất bản lại, qua đó tích hợp nội dung này vào ấn phẩm Vãng Sinh Tập.

Vào năm Ất Sửu (1865), niên hiệu Tự Đức, Hòa thượng Phúc Điền tại Chùa Vĩnh Nghiêm đã tiến hành tái bản cuốn sách này. Đến năm thứ 31 niên hiệu Tự Đức (năm Ất Sửu - 1878), tác phẩm tiếp tục được tái bản cùng hai tập sách Vãng Sinh Tịnh Độ (往生淨土) và Nghi thức Sám Hối nguyện Vãng Sinh Tịnh Độ (往生淨土懺悔願儀). Các tài liệu quý giá này hiện vẫn đang được lưu giữ tại Chùa Thắng Nghiêm ở Hà Nội.

Tập sách này được khắc in và xuất bản vào năm Đinh Dậu (1897), niên hiệu Thành Thái, tại chùa Đại Tâm, xã Nhị Châu, tổng Nhị Châu, huyện Trác Châu, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, tài liệu đang được lưu giữ trong bộ sưu tập của Thư viện Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội và Truyền thông Việt Nam với ký hiệu HN.881, đồng thời bản mộc bản (tàng bản) hiện được bảo quản tại chùa Thắng Nghiêm ở Hà Nội (ký hiệu TN.122).

4. Tỳ-ni nhật dụng (毗尼日用) là tác phẩm nền tảng của Phật giáo Bắc tông, trợ duyên cho hành giả thực hành chính niệm và gìn giữ oai nghi trong mọi sinh hoạt hàng ngày. Theo phần tựa dẫn của tác phẩm, nguyên bản kinh được Tổ sư Trạm Công thỉnh từ núi Đỉnh Hồ, tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa về lưu giữ tại chùa Càn An (Thăng Long), trước khi được Thiền sư Hải Dục trùng khắc. Đến thời vua Tự Đức năm thứ 5 (1845), cuốn sách này đã được Hòa thượng Phúc Điền hiệu đính và biên tập tại Bồ Sơn Đại Giác Thiền Tự.
5. Chùa Hưng Phúc (Bắc Ninh) đã tiến hành ấn bản lại tác phẩm "Quy Sơn Cảnh Sách Văn Diễn Âm" (溈山警策文演音). Phần lời dẫn trong "Trùng san Cảnh sách văn Diễn Âm tiểu dẫn" (重刊警策文演音小引) ghi lại rằng: *"Vào niên hiệu Vĩnh Hựu thời Lê trung hưng, Hòa thượng Tính Tuyền (Đỗ Đa) đã vâng mệnh vua Lê Ý Tông đi về phương Bắc để thỉnh kinh Phật. Sau khi trở về, Ngài đã tôn trí bản khắc tại chùa Càn An, khu vực doanh trại Nam Đồng trong Kinh thành Thăng Long."*

Hòa thượng Đạo Nguyên - Tổ sư đời thứ sáu của Thiền phái Tào Động, người được sắc phong tôn hiệu "Khoan Dực Tổ sư" (寬翌祖師) - đã đích thân đến bái thỉnh bản kinh tại Càn An Kinh Phường (xưởng in kinh chùa Càn An). Trải qua quá trình nghiền ngẫm và thấu triệt những ý nghĩa huyền diệu, nay tôi xin mạn phép diễn giải sơ lược bản văn này sang quốc âm nhằm giúp hàng sơ học thuận tiện trong việc thực hành và trì tụng.

Về Càn An Kinh Phường, nơi đây vốn là trung tâm lưu trữ và khắc in kinh sách Phật giáo quan trọng tại miền Bắc Việt Nam. Điển hình cho sự lưu truyền này là

tác phẩm “Quy Sơn Cảnh Sách Văn” (溈山警策文) có nguồn gốc từ Trung Hoa. Tác phẩm do Hòa thượng Trạm Công (tức Hòa thượng Đỗ Đa) mang sang Việt Nam, sau đó được Hòa thượng Đạo Nguyên dịch ra chữ Nôm. Bản Nôm này từng được chùa Hưng Phúc (Bắc Ninh) cho tái bản (trọng san) và hiện là bản lưu trữ tại chùa Thắng Nghiêm.

Bên cạnh đó, khảo sát lịch sử cũng cho thấy chùa Càn An từng khắc bản và lưu hành hai bộ điển tịch Phật giáo giá trị khác. Đó là cuốn “Tịnh Từ Yếu Ngữ” (淨慈要語) được tái bản vào năm Minh Mạng thứ 18 (Đinh Dậu - 1837), và cuốn “Đại Báo Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh” (大報父母恩重經) tái bản vào năm Thiệu Trị thứ 7 (Đinh Mùi - 1847).

6. Trong ấn bản chùa Viên Minh năm Thành Thái thứ 17 (Ất Tỵ - 1905) của tác phẩm “Trúc Song Tùy Bút” (竹窗隨筆), phần đầu sách có bài văn “Pháp lưu Nam Việt” (法流南越) do Hòa thượng Phúc Điền An Thiền soạn. Bài văn ghi lại rằng: *“Vào niên hiệu Cảnh Hưng, Hòa thượng Trạm Công - thuộc chùa Liên Tông (Chùa Liên Phái), phái Lâm Tế - đã phụng chỉ sang núi Đỉnh Hồ (nhà Đại Minh)”*. Tại đây, ngài đắc diệu chỉ từ Hòa thượng Kim Quang Đoan, đăng đàn thụ giới, sớm hôm vấn đạo, thu thập nhiều kinh điển rồi trở về chùa Càn An tại kinh sư của bản quốc.

Cũng theo bài văn này, những điển tịch Phật giáo được tái bản qua tay Hòa thượng Trạm Công bắt đầu thịnh hành trên thế gian, tiêu biểu gồm các bộ sách: “Diệu Pháp Liên Hoa Tri Âm (妙法蓮華經知音), “Tứ Phần Luật” (四分律), “Lục Đạo Tập” (六道集) “Giải Hoặc Biên” (解惑編) và “Trúc Song Tùy Bút” (竹窗隨筆).

Sự giao lưu và truyền bá điển tịch Phật giáo giữa Trung Hoa và Việt Nam được thực hiện thông qua việc kết nối giữa các học giả, thiền sư và quá trình hoằng dương Phật pháp. Chuyến hành trình sang Quảng Đông cầu pháp của Hòa thượng Trạm Công Tính Tuyền (1674-1744), một vị cao tăng lỗi lạc của Phật giáo Việt Nam vào thời Hậu Lê là một sự kiện trọng đại, tạo nên nhịp cầu giao thương kinh sách trên biển. Sự kiện này đã gắn kết chặt chẽ với Tổ đình Vạn Thọ Khánh Vân Tự (Đỉnh Hồ Sơn, Quảng Đông) với chùa Càn An (Hà Nội). Bên cạnh sáu bộ điển tịch quan trọng, tác phẩm Đỉnh Hồ Sơn Chí (do Hòa thượng Phúc Điền An Thiền tái bản năm 1844 tại chùa Đoan Minh, Bắc Ninh) cũng chính là di sản quý giá do Hòa thượng Trạm Công thỉnh về từ vùng núi Đỉnh Hồ.

Ví dụ điển hình là Luật sư Hoằng Tán Tại Tham (弘贊在惨, 1611-1685) - bậc cao tăng thuộc thiền phái Tào Động, trụ trì đời thứ hai của chùa Khánh Vân trên núi Đỉnh Hồ (Quảng Đông, Trung H). Ngài đã trước tác nhiều bộ luận và tác phẩm quan trọng, sau đó được truyền bá quy mô lớn tại Việt Nam, bao gồm:

Về giới luật: Tứ Phần Giới Bản Như Thích (四分戒本如釋), Bán Nguyệt Tụng Bồ Tát Giới Nghi Thức (半月誦菩薩戒儀式), Sa Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú (沙彌律儀要略增注), Thức Xoa Ma Na Ni Giới Bản (式叉摩那尼戒本).

Về kinh luận và chú giải: Kim Cương Di Đà Kệ Chú Châm Minh (金剛彌陀偈咒箴銘), Quy Sơn Cảnh Sách Cú Thích (溈山警策句釋), Tứ Phần Luật Danh Nghĩa Tiêu Thích (四分律名義標釋), Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Thiêm Túc (般若波羅密多心經添足).

Về thực hành và giáo lý: Bát Quan Trai Pháp (八關齋法), Chư Kinh Nhật Tụng (諸經日誦), Giải Hoặc Biên (解惑編), Lục Đạo Tập (六道集).

Ngoại trừ các tác phẩm của Luật sư Hoằng Tán, nền tảng giới luật Phật giáo tại Việt Nam còn được lưu truyền rộng rãi qua nhiều tác phẩm của các cao tăng Trung Hoa. Nổi bật trong số đó là cuốn "Đại Học Chi Thư Yếu Tập" (大學之書要集) do Viên Tiệp Nhất Cơ (圓捷一機 高僧, 1630–1708) trụ trì đời thứ sáu của chùa Khánh Vân (núi Đỉnh Hồ, Quảng Đông) biên soạn.

Bên cạnh đó, các tác phẩm của đại sư Vân Thê Châu Hoằng (tự Phật Tuệ, hiệu Liên Trì, 1535-1615) cùng bộ "Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu" (毘尼日用切要) của ngài Đọc Thể Kiến Nguyệt (1601-1679) thuộc Luật tông phái Thiên Hoa cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Các bộ luận và giới luật học tiêu biểu bao gồm:

Tác phẩm của đại sư Vân Thê Châu Hoằng:

"Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Bồ Tát Giới Nghĩa Sớ Phát Ẩn" (梵網經心地品菩薩戒義疏發隱), "Vân Thê Cộng Trụ Quy Ước" (雲棲共住規約), "Giới Sát Phóng Sinh Văn" (戒殺放生文).

Tác phẩm của ngài Đọc Thể Kiến Nguyệt:

"Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu" (毘尼日用切要).

Tác phẩm của Viên Tiệp Nhất Cơ:

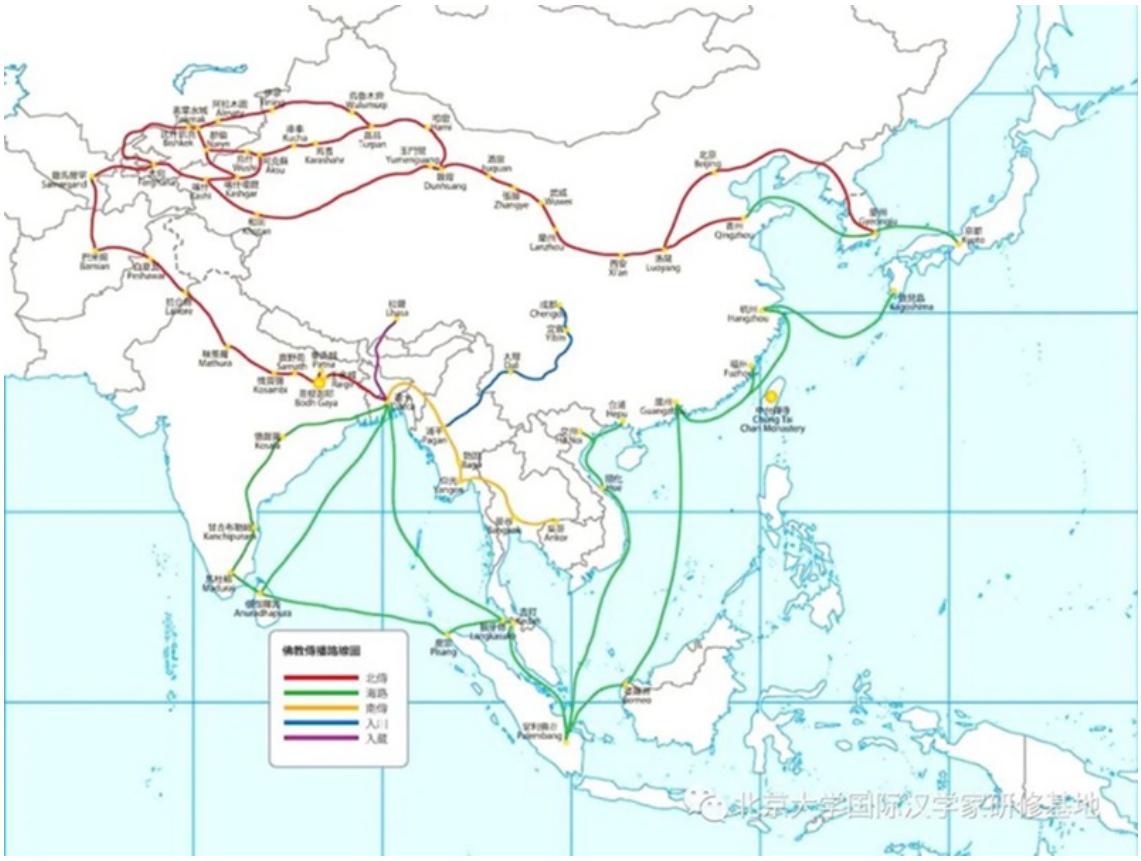
"Đại Học Chi Thư Yếu Tập" (大學之書要集). Những tác phẩm này đã lưu truyền tại Việt Nam.

Trên nền tảng đó, Phật giáo Việt Nam đã định hình nên đặc trưng: lấy Luật học làm nền tảng và dung hợp các tông phái. Xét về cội nguồn, đặc điểm này có thể truy nguyên đến Thiền sư Thích Hạc Đạo Khâu (栖壑道丘, 1586-1658) - bậc chân tu kiêm thông ba tông phái Thiền, Tịnh, Mật, đồng thời là vị tổ khai sơn chùa

Khánh Vân trên núi Đỉnh Hồ, Quảng Đông, Trung Hoa.

Năm Vạn Lịch thứ 31 (Quý Mão-1603) đời nhà Minh, Thiền sư Thích Hạc Đạo Khâu đã đảnh lễ và tham vấn Thiền sư Hám Sơn Đức Thanh (憨山德清, 1546-1623), một trong những đại sư lỗi lạc của Phật giáo Trung Hoa, tại chùa Bảo Lâm. Bảy năm sau, Ngài cầu đạo với Liên Trì đại sư Chu Hoằng tại chùa Vân Thê và được truyền trao y bát.

Về sau, vào năm Thiên Khải thứ 7 (Đinh Mão - 1627) - năm cuối triều đại Thiên Khải của Minh Hy Tông - Ngài rời vùng Lĩnh Nam (khu vực rộng lớn bao gồm miền Bắc Việt Nam ngày nay và các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam của Trung Hoa) để đến tham học với Thiền sư Bác Sơn (hiệu Vô Dị Đại Hy, 1575–1630). Thiền sư Bác Sơn là một vị cao tăng danh tiếng thuộc tông Tào Động đời Minh, nổi bật với công trình chỉ dẫn thực hành thiền tông kinh điển là tác phẩm “Tham Thiền Cảnh Ngữ” (參禪警語). Tại đây, Ngài đã được truyền tâm ấn và trao phó trọng trách kế thừa. Từ đó, Ngài hội tụ và đúc kết nên đại thành tựu của cả ba học phái: Thiền tông, Tịnh độ tông và Luật tông.



Bản đồ giao thông vận tải ở các vùng phía Tây và Biển Đông

Trên cơ sở đó, Phật giáo Việt Nam đã định hình bản sắc đặc thù: lấy Luật học làm nền tảng cốt lõi kết hợp với sự dung hợp các tông phái. Về mặt cội nguồn, đặc điểm này có thể truy nguyên từ Thiền sư Thích Hạc Đạo Khâu (1586–1658), vị tổ khai sơn trụ trì chùa Khánh Vân tại Đỉnh Hồ, Quảng Đông, Trung Hoa.

Năm Vạn Lịch thứ 31 (Quý Mão - 1603) đời nhà Minh, Thiền sư Thích Hạc Đạo Khâu đã đảnh lễ, tham vấn Phật pháp tại chùa Bảo Lâm với Đại sư Hám Sơn Đức Thanh (1546–1623) – bậc kỳ túc lỗi lạc của Thiền tông và Tịnh độ tông. Bảy năm sau, ngài đến bái kiến Liên Trì Đại sư Vân Thê Chu Hoằng và được trao truyền y bát. Về sau, vào năm Thiên Khải thứ 7 (Đinh Mão - 1627), ngài rời vùng Lĩnh Nam để bái kiến Thiền sư Bác Sơn Vô Dị, vị tông sư phái Tào Động, và được mật nhận ký biệt (ấn chứng truyền thừa). Nhờ sự dày công cầu đạo, ngài đã đúc kết và đại thành giáo lý của cả ba học phái: Thiền tông, Tịnh độ tông và Luật tông.

Kế thừa tông phong của Hòa thượng Bản sư Thích Hạc Đạo Khâu, Thiền sư Hoằng Tán Tại Tham (弘贊在惨禪師, 1611-1685) vị trụ trì đời thứ hai của chùa Khánh Vân tiếp tục phát huy học phái Bác Sơn. Ngài không chỉ tinh thông Luật tông mà còn chủ trương kiêm trì, tu tập dung hợp cả ba tông phái: Thiền, Tịnh và Luật.

Trong tác phẩm Trọng Thân Tổ Huấn Ước (重申祖訓約), Cao tăng Thành Thứu Quang Thứu (1637-1722) ghi lại rằng: tại bản sơn Khánh Vân Tự – ngôi chùa được khai sáng hơn bảy mươi năm qua các bậc trụ trì qua sáu đời truyền thừa đều lấy giới luật làm nền tảng, xem Thiền - Tịnh làm tông phong. Chùa vốn có khuôn phép tinh nghiêm và thanh quy sáng rõ. Chính nhờ môi trường này, khi Hòa thượng Trạm Công Tính Tuyền (1674-1744) dừng bước tại Khánh Vân Tự, nền luật học quý giá ấy đã trở thành di sản cốt lõi mà Ngài kế thừa và tiếp thụ.

Thiền sư Trạm Công Tính Tuyền (Hòa thượng Đỗ Đa, 1674-1744) họ Hoàng, sinh tại xã Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Đại Việt quốc). Về pháp mạch truyền thừa và hành trạng hoằng hóa của Ngài, văn bia chùa Liên Tông (nay là chùa Liên Phái, Hà Nội) được dựng năm Tự Đức thứ 25 (Nhâm Thân - 1872) có ghi chép lại rằng:

“Tổ sư khai sơn đời thứ hai, được ban phong hiệu Thượng sĩ Cao Thiền Hòa thượng (上士高禪和尚), đã phát tâm hiến cúng tư điền để đại khai già-lam (xây dựng ngôi chùa quy mô tráng lệ). Ngài đã giao phó cho đệ tử là Thiền sư Trạm Công Tính Tuyền (Hòa thượng Đỗ Đa) sang Bắc quốc (Trung Hoa) đăng đàn lãnh thụ Tam đàn Đại giới, thỉnh cầu nhiều bộ kinh điển thuộc hệ Tam tạng mang về nước. Lịch sử truyền giới Tam đàn Đại giới (具足三壇) của nước ta cũng khởi nguồn từ đây”.

Sách “Kế Đăng Lục” (繼燈錄) ghi lại rằng, sau khi Thiền sư Trạm Công Tính Tuyền hành đạo trở về nước, toàn thể chư tăng ni đã nhất tâm cung thỉnh ngài đảm nhận ngôi vị Hòa thượng đường đầu để truyền thụ giới pháp. Công cuộc hoằng dương Tứ Phần Luật (四分律) tại Việt Nam cũng khởi nguồn từ bậc cao tăng này.

Có thể thấy, sáu năm Ngài lưu lại núi Đỉnh Hồ (Quảng Đông, Trung Hoa) không chỉ mang ý nghĩa thu thập hơn ba trăm bộ kinh điển Phật giáo, mà còn là bước ngoặt đặt nền móng cho việc truyền thừa Luật học tại vùng Bắc Hà. Nhờ đó, các điển tịch trọng yếu như "Tỳ Ni Nhật Dụng" (毗尼日用) và Tứ Phần Luật (四分律) đã được lưu truyền và phát huy giá trị, trực tiếp thúc đẩy sự hình thành và kiện toàn các quy phạm giới luật của Phật giáo Việt Nam.

Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: k.sina.cn (https://k.sina.cn/article_1691933232_64d8da3001900m2bt.html)